

Trách nhiệm xã hội và vai trò chủ thể của cư dân nông thôn

Đặng Thị Việt Phương *

Tóm tắt: Vai trò của nông dân được nhắc đến trong nhiều văn bản cũng như thảo luận chính sách. Chúng ta dễ dàng thống nhất với nhau về tầm quan trọng của nông dân trong phát triển kinh tế cũng như trong phát triển nông thôn nói chung, nhưng lại tương đối phân tán trong cách thức xác định vai trò và trách nhiệm xã hội của nông dân. Bài viết phân tích trách nhiệm xã hội và vai trò chủ thể của cư dân nông thôn trong xây dựng nông thôn mới, có tính đến những đặc trưng về cấu trúc của xã hội nông thôn đương đại. Khi đánh giá trách nhiệm xã hội và vai trò chủ thể của cư dân nông thôn, bài viết xem xét sự tham gia của họ vào đời sống hội nhóm, các hoạt động xã hội và các hoạt động tại địa phương.

Từ khóa: Trách nhiệm xã hội; vai trò chủ thể; đời sống hội nhóm; tham gia xã hội; cư dân nông thôn.

1. Đặt vấn đề

Vai trò của nông dân được nhắc đến trong nhiều văn bản cũng như Quyết định số 135/1998/QĐ-TTg ngày 31 tháng 7 năm 1998 xác định nguyên tắc chỉ đạo là phát huy nội lực của từng hộ gia đình trong công tác giảm nghèo; Quyết định số 07/2006/QĐ-TTg ngày 10 tháng 01 năm 2006 về phát triển kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc và miền núi giai đoạn 2006 - 2010.

Quan điểm về vai trò chủ thể của nông dân trong quá trình phát triển được khẳng định trong Nghị quyết 26-NQ/TW ngày 5 tháng 8 năm 2008 về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; theo đó giải quyết vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn trước hết phải “khơi dậy tinh thần yêu nước, tự chủ, tự lực tự cường vươn lên của nông dân”. Chương trình hành động của Chính phủ xác định một trong những mục tiêu là “tạo điều kiện thuận lợi để nông dân tham gia đóng góp và hưởng lợi nhiều hơn vào quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước”⁽¹⁾.

Nghị quyết liên tịch giữa Hội Nông dân và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hỗ trợ nông dân phát triển kinh tế nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới (NTM) giai đoạn 2012 - 2020 xác định cần tuyên truyền, vận động nông dân thực hiện chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước về phát triển nông nghiệp, xây dựng NTM; vận động nông dân thi đua phát triển sản xuất, vươn lên làm giàu chính đáng, tích cực tham gia xây dựng NTM. Chương trình mục tiêu quốc gia về NTM

^(*) Thạc sĩ, Viện Xã hội học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

ĐT: 0912289693. Email: dangvietphuong@yahoo.com.

Bài viết trong khuôn khổ đề tài “Nghiên cứu, đề xuất giải pháp nâng cao trách nhiệm xã hội và vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng nông thôn mới” do Chương trình Khoa học và Công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011 - 2015 tài trợ.

⁽¹⁾ Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 24/2008/NQ-CP ngày 28 tháng 10 năm 2008 của Chính phủ).

khẳng định vai trò chủ thể nông dân trong giai đoạn hiện nay, nhằm phát huy nhân tố con người, khơi dậy và phát huy mọi tiềm năng của người nông dân vào công cuộc xây dựng NTM.

Vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NTM được xác định cụ thể hơn trong sổ tay hướng dẫn xây dựng NTM, thông qua các hoạt động cụ thể sau: i) Tham gia ý kiến vào đề án xây dựng NTM và bản đồ án quy hoạch NTM cấp xã; ii) Tham gia vào lựa chọn những công việc gì cần làm trước và việc gì làm sau để thiết thực với yêu cầu của người dân trong xã và phù hợp với khả năng, điều kiện của địa phương; iii) Quyết định mức độ đóng góp trong xây dựng các công trình công cộng của thôn, xã; iv) Cử đại diện (Ban giám sát) để tham gia quản lý và giám sát các công trình xây dựng của xã; v) Tổ chức quản lý, vận hành và bảo dưỡng các công trình sau khi hoàn thành. Có thể thấy rằng, vai trò chủ thể của nông dân ngày càng được phản ánh và làm rõ hơn trong các chính sách phát triển kinh tế - xã hội nông thôn nói chung và trong xây dựng NTM nói riêng.

Trong bài viết này, chúng tôi cố gắng nhận diện trách nhiệm xã hội và vai trò chủ thể của cư dân nông thôn trong xây dựng NTM, có tính đến những đặc trưng về cấu trúc của xã hội nông thôn đương đại. Bài viết tổng hợp kết quả nghiên cứu từ cuộc khảo sát tiến hành năm 2014 với đại diện của 1.500 hộ gia đình tại 10 xã thuộc năm tỉnh Nam Định, Tuyên Quang, Quảng Nam, An Giang và Đồng Nai. Để đánh giá trách nhiệm xã hội và vai trò chủ thể của cư dân nông thôn, chúng tôi xem xét sự tham gia của họ vào: i) đời sống hội nhóm; ii) các hoạt động xã hội; và iii) các hoạt động tại địa phương.

2. Tham gia đời sống hội nhóm

Một trong những khía cạnh thể hiện trách nhiệm xã hội và vai trò chủ thể của người nông dân chính là việc họ tham gia

vào các hoạt động, tổ chức và quá trình xã hội. Ở phần này, chúng tôi phân tích mức độ tham gia xã hội của người nông dân hình thức tham gia vào đời sống hội nhóm tại địa phương. Tham gia xã hội thể hiện mức độ các cá nhân tách khỏi các mối quan hệ gần gũi, thân thuộc, để tham gia vào các quan hệ xã hội dựa trên công việc hoặc cùng lợi ích, sở thích.

Người dân nông thôn truyền thống vốn được xem là những “tạo vật có tính xã hội cao”⁽²⁾ khi tham gia vào nhiều dạng tổ chức/liên kết nhóm khác nhau. Sở thích hội nhóm được xem là “nét nổi bật nhất trong đời sống xã hội của làng mạc ở Bắc Kỳ”. Có thể thấy, “tính xã hội” thể hiện qua việc tham gia vào đời sống hội nhóm là một chỉ báo về trách nhiệm xã hội và vai trò chủ thể của cư dân nông thôn.

Những bằng chứng thực nghiệm của chúng tôi tại 5 tỉnh Nam Định, Tuyên Quang, Quảng Nam, Đồng Nai và An Giang cũng xác nhận sự phổ biến của việc tham gia hội nhóm trong dân cư nông thôn. Dữ liệu khảo sát cho biết tỉ lệ gần như tuyệt đối người trả lời (NTL) cho biết đang tham gia⁽³⁾ ít nhất một tổ chức/ đoàn thể/ hội/ nhóm nào đó tại địa phương. Sự tồn tại đa dạng và phong phú của các tổ chức/ đoàn thể/ hội nhóm tại các vùng nông thôn, cùng với sự tham gia

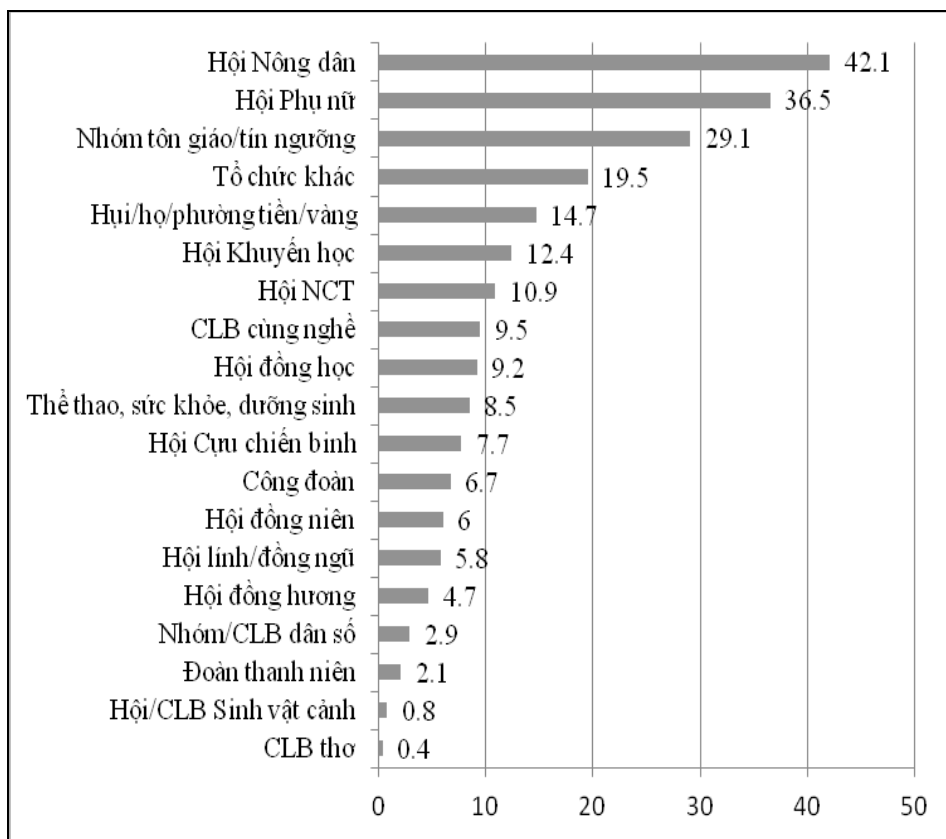
(2) Dù cho quan niệm về “tính xã hội” của nông dân Việt Nam theo quan điểm của Jamieson là điều cần phải thảo luận lại (nhưng chúng tôi không bàn đến trong phạm vi của báo cáo này); nhưng quan sát của ông về sự tham gia của người Việt vào các dạng tổ chức/liên kết nhóm khác nhau ở nông thôn cho thấy một thực tiễn đáng chú ý.

(3) Trong nhiều trường hợp, tham gia có thể chỉ là việc ghi danh vào một đoàn thể/hội/phường nào đó mà không có hoạt động nào cụ thể; trong những trường hợp khác, tham gia lại có thể mang nghĩa là làm lãnh đạo/đứng đầu một tổ chức/hội/phường; nhưng trong đa số trường hợp, tham gia có nghĩa là có đóng góp, tuân thủ và thực hiện các hoạt động mà tổ chức đó yêu cầu.

đồng đảo của cư dân là một chỉ báo cho chúng ta biết đây là một “kênh” cho các trao đổi và tương tác xã hội diễn ra ở cấp độ cộng đồng.

Tham gia vào các hội/ nhóm/ tổ chức xã hội là một thang đo thể hiện mức độ chủ động của người nông dân trong quá trình xã hội. Kết quả điều tra của chúng tôi cho thấy, trong 18 tổ chức/nhóm được khảo sát đều có sự tham gia của người trả lời. Hội Nông dân vẫn là tổ chức mà người nông

dân tham gia đông đảo nhất với 42,1% NTL. Hội Phụ nữ và Nhóm tôn giáo/ tín ngưỡng là hai hội/nhóm mà người nông dân trong mẫu khảo sát tham gia cao thứ hai (36,5%) và thứ ba (29,1%). Có trên 10% đến dưới 20% số người trả lời tham gia là hội/ họ/ phường tiên/ vàng, Hội Khuyến học và Hội Người cao tuổi (NCT) và các nhóm tổ chức khác. Ở mức dưới 10% có tới 12 tổ/ hội/ nhóm xã hội (Hình 1).



Hình 1: Tỷ lệ NTL tham gia các hội/ nhóm/ tổ chức xã hội (%).

Nhìn từ góc độ địa vực, phân tích tương quan giữa việc tham gia các tổ chức/ đoàn thể/ phường hội với các tỉnh, khảo sát cho thấy tỉ lệ NTL tham gia vào các hoạt động hội nhóm này ở các tỉnh phía Bắc có chiều hướng cao hơn so với các tỉnh phía Nam, kể cả các tổ chức chính thức (những tổ chức có

pháp nhân, thường hoạt động theo ngành dọc như các Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên, Hội Cựu chiến binh, Hội Người cao tuổi, v.v..) và tổ chức phi chính thức (không có pháp nhân, hoạt động trong phạm vi cộng đồng, như Hội đồng niên, Hội đồng ngũ, Phường tiên, v.v..). Trung bình, mỗi NTL ở

Nam Định tham gia vào khoảng gần 4 tổ chức xã hội/ hội/ nhóm khác nhau, còn mỗi NTL ở Tuyên Quang tham gia khoảng 2,1 tổ chức. Trong khi con số này ở An Giang là 1,6 tổ chức, ở Quảng Nam là 1,3 tổ chức, còn ở Đồng Nai, trung bình mỗi NTL tham gia vào 1 tổ chức/hội/nhóm. Kết quả nghiên cứu này cũng thống nhất với kết quả nghiên cứu trước đó của chúng tôi khi tiến hành điều tra nông dân năm 2010, khi xác nhận sự khác biệt về tham gia các hoạt động hội nhóm ở hai vùng đồng bằng sông Hồng (ĐBSH) và đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL): ở các xã ĐBSH, việc tham gia tổ chức xã hội là thực tiễn phổ biến ở cư dân ĐBSH hơn là ở ĐBSCL.

Sự tham gia vào các tổ chức xã hội ở địa phương nhìn từ số lượng tổ chức có thể dễ khiến người ta đi đến kết luận rằng “tính xã hội”, hay trách nhiệm xã hội của NTL ở các tỉnh phía Bắc nói chung cao hơn so với NTL ở các tỉnh phía Nam. Tuy nhiên, nếu nghiên cứu kĩ hơn về hoạt động của các tổ chức này có thể cung cấp cho chúng ta một góc nhìn khác về thực tiễn trao đổi xã hội ở hai vùng đồng bằng này. Kết quả điều tra nông dân năm 2010 cho thấy, các hình thức sinh hoạt hội nhóm chủ yếu là chia sẻ tình cảm, thăm hỏi nhau những lúc gia đình có việc vui/buồn. Các hội này hoạt động không nhằm mục tiêu hợp tác làm ăn kinh tế. Kết quả nghiên cứu của chúng tôi cũng cho thấy tình hình tương tự như trên. Cư dân nông thôn ở Nam Định tham gia vào các trao đổi hội nhóm trên cơ sở giúp đỡ qua lại mỗi khi gặp khó khăn. Trong khi đó, ở An Giang người dân nông thôn tham gia vào các trao đổi phường hội hướng tới việc hỗ trợ các hội viên làm kinh tế.

Có thể thấy rằng việc tham gia các hoạt động hội nhóm được các nhóm cư dân gán cho những ý nghĩa rất khác nhau. Cư dân phía Bắc gắn việc tham gia các hoạt động

hội nhóm với việc đáp ứng những nhu cầu tinh thần nội tại của nhóm nhỏ (thăm hỏi, chia sẻ tình cảm, v.v..) và nhu cầu cá nhân (được va chạm xã hội, có danh tiếng, được vị nể, v.v..). Trong khi đó, nhóm các cư dân phía Nam lại có xu hướng thiết lập các hình thức trao đổi hợp tác trong sản xuất phù hợp với các nguyên tắc thị trường, hướng tới những mục tiêu làm giàu cho hội viên của mình. Như thế, để tăng cường trách nhiệm xã hội ở cư dân nông thôn, cần có cơ chế khuyến khích các hình thức mở rộng hoạt động xã hội và các sinh hoạt đoàn thể trong cư dân nông thôn, khuyến khích nông dân xây dựng và đóng vai trò chủ thể trong các quan hệ xã hội của họ. Tuy nhiên, nhìn từ góc độ chính sách hiện nay, về cơ bản, Nhà nước coi các tổ chức xã hội như là cơ quan tuyên truyền chủ trương, chính sách, là cầu nối giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân. Các tổ chức này hoạt động với mục tiêu đoàn kết và huy động sự tham gia của nhân dân, tổ chức tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức của nhân dân. Bên cạnh vai trò tuyên truyền, vận động nhân dân, các tổ chức này cũng được Nhà nước khuyến khích thành lập nhằm mục đích giúp đỡ lẫn nhau và huy động mọi nguồn tài chính từ các tầng lớp nhân dân. Ngay trong Nghị quyết liên tịch giữa Hội Nông dân và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hỗ trợ nông dân phát triển kinh tế nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2012 - 2020 cũng xác định mục tiêu là tuyên truyền, vận động nông dân thực hiện chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước. Có vẻ như nông dân vẫn được xác định như là đối tượng tiếp nhận, hơn là chủ thể trong trọng tâm chính sách.

3. Tham gia hoạt động xã hội

Tham gia các hoạt động xã hội là một trong những chỉ báo quan trọng xác định

trách nhiệm xã hội và vai trò chủ thể của nông dân. Trách nhiệm xã hội có thể được thể hiện bằng việc đóng góp về mặt xã hội, môi trường hay văn hóa cho cộng đồng. Trách nhiệm xã hội cũng có thể là việc đóng góp, tổ chức hoặc thực hiện các hoạt động thiện nguyện, không chỉ trong phạm vi cộng đồng nhỏ, mà còn mở rộng ra xã hội rộng lớn hơn. Mỗi cá nhân/tổ chức có thể tham gia vào sự phát triển cộng đồng địa phương bằng nhiều cách khác nhau, chẳng hạn bằng việc làm sạch đường làng ngõ xóm, bằng việc tham gia tổ chức các hoạt động cộng đồng, hoặc giúp đỡ các thành viên cộng đồng, v.v..

Kết quả khảo sát cho thấy, trong số 1.500 đại diện hộ gia đình được khảo sát ở năm tỉnh, tuyệt đại đa số NTL đều tham gia các hoạt động xã hội tại địa phương. Tính trung bình, mỗi người dân tham gia khoảng 4 hoạt động xã hội. Các hoạt động liên quan đến văn hóa, tín ngưỡng tại địa phương thu hút khoảng 1/2 số người trả lời tham gia. Các hoạt động liên quan đến thể dục thể thao, sở thích, giải trí có 44% người tham gia, tiếp đến là các hoạt động nghề nghiệp (trao đổi kinh nghiệm làm ăn, kỹ thuật sản xuất, v.v.) có 45,7% người tham gia. Khoảng 56% tham gia các hoạt động đảm bảo an ninh trật tự tại địa phương và trên 40% tham gia hoạt động liên quan đến khuyến học tại địa phương. Tỷ lệ NTL tham gia các hoạt động từ thiện đặc biệt cao, chiếm 85% số NTL ở năm tỉnh.

Để xác định tính chất của việc tham gia các hoạt động xã hội, chúng tôi phân loại các hoạt động xã hội thành hai nhóm, bao gồm nhóm hoạt động hướng tới lợi ích cộng đồng (từ thiện, khuyến học, bảo vệ an ninh trật tự) và nhóm hoạt động hướng tới nhu cầu cá nhân (văn hóa, tín ngưỡng, thể thao, sở thích, giải trí và hoạt động nghề nghiệp).

Kết quả nghiên cứu cho thấy không có chiều hướng khác biệt rõ rệt nào giữa việc tham gia vào các hoạt động vì lợi ích cộng đồng và những hoạt động phục vụ nhu cầu cá nhân. Tuy nhiên, nếu tính tới biến số về tần suất tham gia các hoạt động này thì nhóm các hoạt động phục vụ nhu cầu cá nhân diễn ra thường xuyên hơn. Trong khi đó, nhóm các hoạt động vì lợi ích cộng đồng phần nhiều mang tính vụ việc, diễn ra một vài lần trong năm. Nhìn chung, những người có trình độ học vấn cao thì có xu hướng tham gia các hoạt động vì cộng đồng, trong khi những người có trình độ học vấn thấp thì nghiêng về các hoạt động phục vụ nhu cầu cá nhân. Bên cạnh đó, vượt ra khỏi không gian địa lý, kết quả khảo sát cũng cho thấy tỷ lệ tham gia các hoạt động cộng đồng phụ thuộc vào điều kiện kinh tế của hộ, những hộ gia đình có điều kiện kinh tế hơn thì tỷ lệ tham gia các hoạt động cộng đồng cao hơn.

Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy vai trò đặc biệt quan trọng của chính quyền và các tổ chức, đoàn thể tại địa phương trong việc khởi xướng, tổ chức các hoạt động quyên góp, ủng hộ từ thiện trong nhân dân. Có tới 82,8% NTL cho biết họ đóng góp cho các hoạt động từ thiện là do được chính quyền và các đoàn thể huy động. Tỷ lệ NTL đóng góp định kỳ, thường xuyên cho các hoạt động từ thiện hầu như không đáng kể, chỉ chiếm chưa đầy 3%. Sự kiện này, một mặt thể hiện sự hợp tác của người dân trong các hoạt động của địa phương; mặt khác cũng cho thấy người dân nông thôn đang thể hiện trách nhiệm xã hội một cách có điều kiện. Trách nhiệm xã hội sẽ chỉ được thực hành khi có người dẫn dắt và mang tính vụ việc, chưa trở thành một nhu cầu tự thân và hoạt động thường xuyên của cư dân nông thôn.

Bảng 1: Lợi ích của việc tham gia hoạt động xã hội (%).

1. Mang lại lợi ích cho địa phương/xã hội	53,8
2. Có thể đóng góp cho cộng đồng địa phương/xã hội	53,4
3. Gần bó hơn với cộng đồng địa phương	49,9
4. Mở rộng quan hệ với nhiều người hơn	29,5
5. Làm bạn với những người có cùng ý kiến, sở thích	12,8
6. Biết cách quản lý các hoạt động cụ thể của địa phương/xã hội	9,3
7. Không có lợi ích gì	2,5

Dù có những khác biệt trong tham gia vào các hoạt động vì mục đích cộng đồng hay vì nhu cầu cá nhân, thì có đến một nửa số NTL đánh giá tích cực về lợi ích của các hoạt động xã hội mà họ đang tiến hành hoặc tham gia. Họ cho rằng, việc tham gia hoạt động xã hội như thế mang lại lợi ích cho địa phương/xã hội, họ có thể đóng góp và cảm thấy gần bó hơn với cộng đồng địa phương. Trong quá trình khảo sát, chúng tôi đã đưa ra một số chỉ báo nhằm xác định vai trò chủ thể và trách nhiệm xã hội của cư dân nông thôn. Chẳng hạn như nhờ tham gia hoạt động xã hội mà NTL biết cách quản lý các hoạt động cụ thể của địa phương/xã hội. Đáng tiếc là chưa đầy 10% NTL lựa chọn phương án này. Điều này cho thấy nông dân vẫn chưa được huy động tham gia theo

nghĩa là chủ thể của quá trình quản lý xã hội tại địa phương.

4. Tham gia các hoạt động tại địa phương

Tham gia vào các hoạt động tại địa phương cho thấy tính chủ động và tích cực của cư dân nông thôn đóng góp vào sự phát triển của địa phương. Nó cũng thể hiện trách nhiệm của họ đối với đời sống chính trị - xã hội của địa phương. Trong quá trình khảo sát, chúng tôi đưa ra năm hoạt động mà chính quyền địa phương có trách nhiệm phải công khai và xin ý kiến đóng góp của nhân dân, bao gồm: i) xây dựng cơ sở hạ tầng cơ bản; ii) kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của xã năm 2014; iii) xây dựng và thực hiện hương ước/ quy ước thôn/ ấp; iv) bảo vệ an ninh trật tự; và v) chương trình vay vốn xóa đói giảm nghèo (XĐGN).

Bảng 2: Tỷ lệ NTL tham gia và đóng góp ý kiến vào các hoạt động tại địa phương (%).

Tham gia các hoạt động của địa phương	Tham gia	Đóng góp ý kiến	Không đóng góp ý kiến
1. Xây dựng cơ sở hạ tầng cơ bản	89,3	40,6	14,6
2. Xây dựng và thực hiện hương ước/quy ước thôn/ấp	71,0	44,2	17,5
3. Bảo vệ an ninh trật tự	65,3	32,9	14,6
4. Kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội của xã năm 2014	39,7	62,4	35,1
5. Chương trình vay vốn XĐGN	39,3	41,3	15,0

Khoảng hơn 2/3 số NTL cho biết họ đã từng tham gia họp trao đổi về xây dựng hạ tầng cơ bản (89,3%), xây dựng và thực hiện hương ước/ quy ước thôn/ ấp (71,0%)

và họp bàn về bảo vệ an ninh trật tự (65,3%). Dù phần lớn NTL cho biết có tham gia họp bàn về những hoạt động của địa phương như trên, chỉ có chưa đầy một

nửa số người tham gia các cuộc họp bàn này có ý kiến đóng góp cho các hoạt động cụ thể trên địa bàn xã. Đối với những hoạt động liên quan đến việc tổ chức thực hiện hoặc đóng góp, đa số NTL cho biết họ đều tham gia thực hiện và/hoặc đóng góp cho các hoạt động này.

Đánh giá về vai trò của mình trong các hoạt động tại địa phương, hơn một nửa NTL khẳng định rằng so với 5 năm trước, hiện nay người dân được bàn bạc và hỏi ý kiến nhiều hơn đối với các hoạt động liên quan đến đời sống của họ. Cũng có tới gần một nửa số NTL cho rằng phần lớn các quyết định quan trọng của Đảng ủy, Ủy ban nhân dân và Hội đồng nhân dân xã về đời sống của người dân hiện nay chủ yếu phản ánh ý kiến của đa số nhân dân (hơn 1/5 NTL cho rằng nó phản ánh ý kiến của lãnh đạo xã và một số đại diện của dân). Tỷ lệ gần như tuyệt đối NTL có đánh giá tích cực đối với các cuộc họp ở thôn/ấp. Thông qua các cuộc họp như thế, họ nắm được thông tin đời sống của thôn, xã (92,5%); họ biết được các trách nhiệm của hộ gia đình với cộng đồng (41,6%); họ nắm được các đường lối, chính sách của nhà nước (36,4%); và thậm chí họ có thể biết được hoạt động của bộ máy chính quyền (17,8%). Đối chiếu với các tiêu chí xác định vai trò chủ thể của người nông dân trong xây dựng NTM giai đoạn hiện nay⁽⁴⁾, có thể thấy rằng, người dân nông thôn hiện nay đã có ý thức phát huy vai trò chủ thể của mình trong các hoạt động tại địa phương. Họ chủ động hơn trong việc nắm bắt thông tin, trong đóng góp ý kiến, tổ chức thực hiện và tham gia vào quá trình ra quyết định tại cộng đồng. Tuy nhiên, điều đáng nói là các hoạt động thu nhận và xử lý thông tin của người dân nông thôn hiện nay vẫn chủ yếu xuất phát từ kênh chính quyền địa phương (họp thôn/ấp, loa phát thanh). Do đó, việc người nông

dân có thể thực hiện trách nhiệm xã hội và đóng vai trò chủ thể của quá trình phát triển tại nông thôn hay không phụ thuộc phần lớn vào phạm vi và chừng mực mà quá trình trao quyền được thực thi giữa chính quyền địa phương và người dân.

5. Kết luận

Nghị quyết 26-NQ/TW xác định tăng đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước cho nông nghiệp, nông dân, nông thôn, đảm bảo vốn 5 năm sau cao gấp đôi 5 năm trước. Mặc dù có nhiều ưu tiên về chính sách vĩ mô, nhưng nguồn lực đầu tư cho nông nghiệp, nông dân, nông thôn cho đến nay vẫn được đánh giá là “chưa đáp ứng được nhu cầu, chưa huy động được nhiều nguồn lực xã hội”⁽⁵⁾.

Có thể thấy, thành tựu về phát triển nông thôn những thập niên qua bắt nguồn từ chính tiềm năng kinh tế xã hội của nông dân, cũng như ở vai trò năng động, tích cực của giai cấp nông dân. Mặt khác, đây cũng là kết quả của quá trình đổi mới tư duy lý luận của Đảng về vai trò của nông dân trong cách mạng và trong sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội ở Việt Nam. Nông nghiệp, nông dân, nông thôn hiện nay trở thành một trong những ưu tiên chính sách hàng đầu. Cùng với những thay đổi trong chính sách vĩ mô, chúng ta đang chứng kiến những biến chuyển trong nông thôn, giữa một mặt là sự phát triển của nền sản xuất theo hướng hiện đại hóa và hội nhập quốc tế; và mặt khác, là sự tồn tại dai dẳng của các quan hệ xã hội “cổ truyền”.

Không gian xã hội hiện nay của người nông dân thực ra không có mấy biến

⁽⁴⁾ Xem các tiêu chí trong sổ tay hướng dẫn xây dựng NTM đã nêu ở trên.

⁽⁵⁾ Nghị quyết số 26/2012/QH13 của Quốc hội ngày 21 tháng 6 năm 2012 về việc tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật đầu tư công cho nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

chuyển so với vài thập niên trước, nó hầu như chưa vượt ra ngoài ranh giới địa vực làng xã. Mạng lưới quan hệ xã hội của cư dân nông thôn vẫn chủ yếu xoay quanh các quan hệ sơ cấp và tương đối đóng kín. Trong bối cảnh đó, việc thực hiện trách nhiệm xã hội của người dân nông thôn chỉ có thể quy về việc thực hiện trách nhiệm qua lại giữa chính thành viên của các cộng đồng quen thuộc. Chừng nào nông dân còn là người gắn liền với các quan hệ ruộng đất truyền thống (kinh tế tiểu nông) và các tập thể cộng đồng hạn chế, chừng đó chưa thể nói tới trách nhiệm xã hội. Trách nhiệm xã hội thực sự sẽ chỉ nảy sinh trên cơ sở sự phát triển các quan hệ kinh tế mới.

Sự khác biệt về bản chất của sự tham gia đời sống hội nhóm (tham gia danh nghĩa/ tham gia thực tế) của cư dân nông thôn, cộng với chức năng đơn tuyến của các tổ chức chính trị xã hội (là cơ quan tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước) khiến nông dân trở thành đối tượng thụ nhận, hơn là chủ thể của đời sống hội nhóm. Cư dân nông thôn tích cực tham gia các hoạt động xã hội, nhưng đây hầu như chưa phải là hoạt động tự thân, khiến họ trở thành người thực hiện trách nhiệm xã hội một cách có điều kiện. Chúng tôi cho rằng cần có cơ chế khuyến khích nông dân tự tổ chức đời sống hội nhóm và các hoạt động xã hội phù hợp với nhu cầu của đời sống kinh tế, xã hội, văn hóa của họ.

Có thể thấy các giải pháp chính sách hiện nay hướng tới nông dân như là một nhóm đối tượng đặc biệt, cần có những cơ chế hỗ trợ đặc thù, do đó dẫn đến những đề xuất chính sách về nông dân mang tính vận động, tuyên truyền, khuyến khích; thay vì xác định vai trò của nông dân như là chủ thể của quá trình phát triển. Cần có sự đổi mới về chính sách đối với nông dân về mặt xã hội, nhằm kích thích tiềm năng, tích cực, chủ động của nông dân trong tổ chức

đời sống xã hội; để họ đóng vai trò chủ thể trong xây dựng nông thôn mới, từ đó mới góp phần thúc đẩy trách nhiệm xã hội của nông dân đối với cộng đồng và xã hội.

Tài liệu tham khảo

1. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2008), *Nghị quyết 26-NQ/TW ngày 5 tháng 8 năm 2008 về "nông nghiệp, nông dân, nông thôn"*.
2. Bùi Quang Dũng, Đặng Thị Việt Phương (2011), *Điều tra nông dân Việt Nam 2009 - 2010*, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.
3. Gourou, P. (1936), *Les paysans du delta tonkinois: étude de géographie humaine*, Paris: Les éditions d'art de d'histoire.
4. Hickey (1964), *Village in Vietnam*, New Haven and London: Yale University Press.
5. Houtart, F. và Lemercinier J. (2001), *Xã hội học về một xã ở Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
6. Hội Nông dân và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2012), *Nghị quyết liên tịch số 08 NQLT/HND-BNN ngày 08 tháng 3 năm 2012 về việc hỗ trợ nông dân phát triển kinh tế nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2012 - 2020*.
7. Jamieson, N. L. (1993), *Understanding Vietnam*, Berkeley: University of California Press.
8. Nguyễn Văn Huyền (1995), *Góp phần nghiên cứu văn hóa Việt Nam*, t.1, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
9. Nguyễn Xuân Thắng, Bùi Quang Dũng (2013), "Trách nhiệm xã hội và vai trò chủ thể của nông dân trong phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới", *Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam*, số 5 (66).
10. Quốc hội (2012), *Nghị quyết số 26/2012/QH13 ngày 21 tháng 6 năm 2012 về việc tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật đầu tư công cho nông nghiệp, nông dân, nông thôn*.
11. Scott, J. (1976), *The moral economy of the peasant. Rebellion and subsistence in Southeast Asia*, Yale University Press, New Haven, London.
12. Woodside, A. (1971), "The development of social organizations in Vietnamese cities in the late colonial period", *Pacific affairs*.

